

THÔNG TIN TUYỂN SINH CỦA TRƯỜNG ĐHBK HÀ NỘI NĂM 2017

1. Điều kiện ĐKXT vào Trường Đại học Bách khoa Hà Nội

(a) Thí sinh đạt đủ điều kiện tham gia tuyển sinh quy định tại Điều 6 của Quy chế tuyển sinh ĐH hệ chính quy năm 2017,

(b) Tổng điểm trung bình của các môn học thuộc tổ hợp môn xét tuyển, tính cho 06 học kỳ THPT từ 20,0 trở lên (Trường sẽ kiểm tra học bạ THPT khi thí sinh trúng tuyển đến nhập học). Điều kiện này không áp dụng cho thí sinh thuộc diện tuyển thẳng, thí sinh thi liên thông từ hệ cao đẳng chính quy của Trường lên đại học và các Chương trình đào tạo quốc tế với mã QT21, QT31, QT32 và QT33.

2. **Các nhóm ngành** (gồm một hoặc vài ngành đào tạo) có chung một mã đăng ký xét tuyển, có cùng tổ hợp các môn xét tuyển và cùng điểm chuẩn trúng tuyển. Các ngành và chương trình đào tạo đại học của Trường được liệt kê trong bảng dưới đây. Đối với một nhóm ngành, điểm chuẩn trúng tuyển bằng nhau cho tất cả các tổ hợp môn xét tuyển. Do đó thí sinh chỉ cần đăng ký một tổ hợp môn xét tuyển có kết quả thi cao nhất.
3. **Việc phân ngành học** (đối với các nhóm có 2 ngành trở lên) được thực hiện ngay sau khi thí sinh trúng tuyển vào trường trên cơ sở nguyện vọng của thí sinh và chỉ tiêu đào tạo ngành do Trường quy định.
4. Thí sinh trúng tuyển với kết quả thi đạt yêu cầu của Trường có thể đăng ký tham dự bài kiểm tra đánh giá năng lực để được chọn vào học các chương trình Đào tạo tài năng và Kỹ sư Chất lượng cao PFEIV.

Tên nhóm ngành	Mã nhóm ngành	Tên ngành/chương trình đào tạo	Chỉ tiêu dự kiến	Tổ hợp môn xét tuyển
Cơ điện tử	KT11	Kỹ thuật cơ điện tử	320	TOÁN, Lý, Hóa TOÁN, Lý, Anh (Toán là Môn thi chính)
		Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử (CN)		
CTTT Cơ điện tử	TT11	Chương trình tiên tiến Cơ điện tử	40	
Cơ khí – Động lực	KT12	Kỹ thuật cơ khí	900	
		Kỹ thuật ô tô		
		Kỹ thuật hàng không		
		Kỹ thuật tàu thủy		
		Công nghệ chế tạo máy (CN)		
		Công nghệ kỹ thuật ô tô (CN)		
Nhiệt – Lạnh	KT13	Kỹ thuật nhiệt	200	
Vật liệu	KT14	Kỹ thuật vật liệu	200	
CTTT Vật liệu	TT14	Chương trình tiên tiến Khoa học và Kỹ thuật vật liệu	30	
Điện tử - Viễn thông	KT21	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	500	
		Công nghệ kỹ thuật điện tử-viễn thông (CN)		
CTTT Điện tử - Viễn thông	TT21	Chương trình tiên tiến Điện tử - viễn thông	40	
Công nghệ thông tin	KT22	Khoa học máy tính	500	
		Kỹ thuật máy tính		
		Hệ thống thông tin		
		Kỹ thuật phần mềm		
		Truyền thông và mạng máy tính		
		Công nghệ thông tin (CN)		
CTTT Công nghệ thông tin Việt Nhật/ICT	TT22	Công nghệ thông tin Việt-Nhật (tiếng Việt) /Công nghệ thông tin ICT (tiếng Anh)	200	
Toán - Tin	KT23	Toán-Tin	120	
		Hệ thống thông tin quản lý		

Điện - Điều khiển và Tự động hóa	KT24	Kỹ thuật điện	700	TOÁN, Lý, Hóa TOÁN, Lý, Anh (Toán là Môn thi chính)
		Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa		
		Công nghệ kỹ thuật điện (CN)		
		Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa (CN)		
CTTT Điều khiển và Tự động hóa	TT24	Chương trình tiên tiến Điều khiển, tự động hóa và hệ thống điện	40	
CTTT Kỹ thuật y sinh	TT25	Chương trình tiên tiến Kỹ thuật y sinh	40	
Hóa - Sinh - Thực phẩm và Môi trường	KT31	Kỹ thuật sinh học / Công nghệ sinh học	950	TOÁN, Lý, Hóa TOÁN, Hóa, Sinh TOÁN, Hóa, Anh (Toán là Môn thi chính)
		Kỹ thuật hóa học		
		Kỹ thuật thực phẩm		
		Kỹ thuật môi trường		
		Hóa học		
		Công nghệ kỹ thuật hóa học (CN)		
Kỹ thuật in	KT32	Kỹ thuật in	50	
Dệt-May	KT41	Kỹ thuật dệt	180	TOÁN, Lý, Hóa TOÁN, Lý, Anh (Toán là Môn thi chính)
		Công nghệ may		
Sư phạm kỹ thuật	KT42	Sư phạm kỹ thuật công nghiệp	50	
Vật lý kỹ thuật-Kỹ thuật hạt nhân	KT5	Vật lý kỹ thuật	160	
		Kỹ thuật hạt nhân		
Kinh tế - Quản lý 1	KQ1	Kinh tế công nghiệp	140	Toán, Lý, Hóa
		Quản lý công nghiệp		
Kinh tế - Quản lý 2	KQ2	Quản trị kinh doanh	80	Toán, Lý, Anh
Kinh tế - Quản lý 3	KQ3	Kế toán	100	Toán, Văn, Anh
		Tài chính-Ngân hàng		
Ngôn ngữ Anh kỹ thuật	TA1	Tiếng Anh KHKT và công nghệ	140	Toán, Văn, ANH
Ngôn ngữ Anh quốc tế	TA2	Tiếng Anh chuyên nghiệp quốc tế	60	(Anh là Môn thi chính)

CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO QUỐC TẾ			
Tên ngành/chương trình đào tạo	Mã ngành	Chỉ tiêu dự kiến	Tổ hợp môn xét tuyển
Cơ điện tử, ĐH Nagaoka (Nhật Bản)	QT11	80	Toán, Lý, Hóa Toán, Lý, Anh Toán, Hóa, Anh (Riêng QT13 bổ sung thêm tổ hợp Toán, Lý, Pháp)
Điện tử - Viễn thông, ĐH Hannover (Đức)	QT12	40	
Hệ thống thông tin, ĐH Grenoble (Pháp)	QT13	40	
Công nghệ thông tin, ĐH La Trobe (Úc)	QT14	60	
Công nghệ thông tin, ĐH Victoria (New Zealand)	QT15	60	
Quản trị kinh doanh, ĐH Victoria (New Zealand)	QT21	60	Toán, Lý, Hóa Toán, Lý, Anh Toán, Hóa, Anh Toán, Văn, Anh (Riêng QT33 có thể thay tiếng Anh bằng tiếng Pháp trong các tổ hợp môn)
Quản trị kinh doanh, ĐH Troy (Hoa Kỳ)	QT31	40	
Khoa học máy tính, ĐH Troy (Hoa Kỳ)	QT32	40	
Quản trị kinh doanh, ĐH Pierre Mendes France (Pháp)	QT33	40	
Quản lý hệ thống công nghiệp (tiếng Anh)	QT41	40	

ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO TRƯỜNG ĐHBK HÀ NỘI THEO KẾT QUẢ THI THPT QUỐC GIA NĂM 2018

Thí sinh đăng ký xét tuyển vào Trường Đại học Bách khoa Hà Nội nếu có đủ điều kiện tham gia tuyển sinh đại học theo quy định tại Quy chế tuyển sinh hiện hành; có học lực trong 3 năm THPT và điểm thi của tổ hợp môn xét tuyển trong kỳ thi THPT Quốc gia 2018 đạt yêu cầu của Trường (thông báo sau khi có kết quả thi THPT Quốc gia 2018).

Thí sinh đăng ký nguyện vọng theo ngành/chương trình đào tạo (gọi tắt là ngành). Mỗi ngành được ấn định một mã xét tuyển và chỉ tiêu tuyển sinh được liệt kê trong bảng dưới đây. Mỗi ngành chỉ có một điểm chuẩn trúng tuyển được áp dụng cho tất cả các tổ hợp môn xét tuyển của ngành đó. Do đó thí sinh lựa chọn và chỉ đăng ký một tổ hợp môn có kết quả thi tốt nhất.

TT	Tên ngành/chương trình đào tạo	Mã xét tuyển	Chỉ tiêu dự kiến	Tổ hợp môn xét tuyển
1	Kỹ thuật Cơ điện tử	ME1	320	TOÁN, Lý, Hóa TOÁN, Lý, Anh (Toán là môn chính)
2	Kỹ thuật Cơ khí	ME2	500	
3	Chương trình tiên tiến Cơ điện tử	ME-E1	80	
4	Kỹ thuật Ô tô	TE1	220	
5	Kỹ thuật Cơ khí động lực	TE2	50	
6	Kỹ thuật Hàng không	TE3	40	
7	Kỹ thuật Tàu thủy	TE4	40	
8	Chương trình tiên tiến Kỹ thuật Ô tô	TE-E2	30	
9	Kỹ thuật Nhiệt	HE1	250	
10	Kỹ thuật Vật liệu	MS1	220	
11	Chương trình tiên tiến KHKT Vật liệu	MS-E3	30	
12	Kỹ thuật Điện tử - Viễn thông	ET1	540	
13	Chương trình tiên tiến Điện tử - Viễn thông	ET-E4	40	
14	Chương trình tiên tiến Kỹ thuật Y sinh	ET-E5	40	
15	Khoa học Máy tính	IT1	200	
16	Kỹ thuật Máy tính	IT2	160	
17	Công nghệ thông tin	IT3	160	
18	Công nghệ thông tin Việt-Nhật	IT-E6	200	
19	Công nghệ thông tin ICT	IT-E7	80	
20	Toán-Tin	MI1	100	
21	Hệ thống thông tin quản lý	MI2	60	
22	Kỹ thuật Điện	EE1	220	
23	Kỹ thuật Điều khiển - Tự động hóa	EE2	500	
24	Chương trình tiên tiến Điều khiển-Tự động hóa và Hệ thống điện	EE-E8	80	
25	Kỹ thuật Hóa học	CH1	480	TOÁN, Lý, Hóa TOÁN, Hóa, Sinh TOÁN, Hóa, Anh (Toán là môn chính)
26	Hóa học	CH2	80	
27	Kỹ thuật in	CH3	40	
28	Kỹ thuật Sinh học	BF1	80	
29	Kỹ thuật Thực phẩm	BF2	200	
30	Kỹ thuật Môi trường	EV1	120	
31	Kỹ thuật Dệt	TX1	110	TOÁN, Lý, Hóa TOÁN, Lý, Anh (Toán là môn chính)
32	Công nghệ May	TX2	90	
33	Sư phạm kỹ thuật công nghiệp	ED1	40	
34	Vật lý kỹ thuật	PH1	150	
35	Kỹ thuật hạt nhân	NE1	30	
36	Kinh tế công nghiệp	EM1	50	
37	Quản lý công nghiệp	EM2	90	
38	Quản trị kinh doanh	EM3	80	
39	Kế toán	EM4	60	
40	Tài chính-Ngân hàng	EM5	40	
41	Tiếng Anh KHKT và Công nghệ	FL1	140	Toán, Văn, ANH (Anh là môn chính)
42	Tiếng Anh chuyên nghiệp quốc tế	FL2	60	

Các chương trình đào tạo quốc tế (ĐTQT)				
TT	Tên chương trình đào tạo	Mã xét tuyển	Chỉ tiêu dự kiến	Tổ hợp môn xét tuyển
1	Cơ điện tử - ĐH Nagaoka (Nhật Bản)	ME-NUT	100	Toán, Lý, Hóa Toán, Lý, Anh Toán, Hóa, Anh
2	Cơ khí-Chế tạo máy - ĐH Griffith (Úc)	ME-GU	30	
3	Điện tử-Viễn thông - ĐH Leibniz Hannover (Đức)	ET-LUH	40	
4	Công nghệ thông tin - ĐH La Trobe (Úc)	IT-LTU	70	
5	Công nghệ thông tin - ĐH Victoria (New Zealand)	IT-VUW	60	
6	Hệ thống thông tin - ĐH Grenoble (Pháp)	IT-GINP	40	Toán, Lý, Hóa Toán, Lý, Anh Toán, Hóa, Anh Toán, Lý, Pháp
7	Quản trị kinh doanh - ĐH Victoria (New Zealand)	EM-VUW	50	Toán, Lý, Hóa Toán, Lý, Anh Toán, Hóa, Anh Toán, Văn, Anh
8	Quản lý công nghiệp-Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - ĐH Northampton (Anh)	EM-NU	40	
9	Quản trị kinh doanh - ĐH Troy (Hoa Kỳ)	TROY-BA	40	
10	Khoa học máy tính - ĐH Troy (Hoa Kỳ)	TROY-IT	40	

XÉT TUYỂN THẮNG VÀ ƯU TIÊN XÉT TUYỂN

Thí sinh tham dự kỳ thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế hoặc đoạt giải (nhất, nhì, ba) trong kỳ thi chọn học sinh giỏi THPT quốc gia các môn Toán, Lý, Hóa, Tin học, Sinh học, Anh văn và đã tốt nghiệp THPT được xét tuyển thẳng theo nguyện vọng vào một ngành đào tạo phù hợp với môn thi. Thí sinh đoạt giải (nhất, nhì, ba) trong cuộc thi Khoa học, Kỹ thuật cấp quốc gia được xét tuyển thẳng vào một ngành do Hội đồng tuyển sinh quyết định, căn cứ nội dung đề tài dự thi của thí sinh. Chỉ tiêu tuyển thẳng không vượt quá 20% chỉ tiêu dự kiến của ngành. Ngoài ra, Nhà trường xét tuyển thẳng cho các thí sinh thuộc diện được tuyển thẳng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Anh hùng lao động, thí sinh bị khuyết tật nặng, vv.). Thí sinh không sử dụng quyền được tuyển thẳng sẽ được cộng điểm ưu tiên để xét tuyển theo mức quy định của Nhà trường.

CÁC CHƯƠNG TRÌNH ELITECH

Các chương trình Tiên tiến (CTTT), Đào tạo tài năng và Kỹ sư chất lượng cao PFIEV tại Trường ĐH Bách khoa Hà Nội (gọi chung là chương trình ELITECH) được thiết kế dành cho các sinh viên ưu tú với mong muốn trở thành các chuyên gia giỏi, những nhà quản lý xuất sắc trong các lĩnh vực kỹ thuật và công nghệ cốt lõi của thời đại Công nghiệp 4.0. Điểm chung của các chương trình ELITECH là tổ chức đào tạo theo các lớp quy mô nhỏ, giảng viên giỏi, nội dung chương trình đào tạo chuyên sâu với kiến thức cơ sở chuyên môn vững chắc, chú trọng việc nâng cao trình độ ngoại ngữ (Anh/Pháp/Đức/Nhật). Sinh viên ELITECH được tạo điều kiện tham gia nghiên cứu từ sớm, được làm việc trong các nhóm nghiên cứu liên ngành để nâng cao năng lực nghiên cứu, phát triển hệ thống/sản phẩm và đề xuất các giải pháp kỹ thuật đối với các vấn đề thực tiễn của doanh nghiệp.

Thí sinh đăng ký xét tuyển vào các CTTT theo mã xét tuyển. Sau khi đã làm thủ tục nhập học, thí sinh trúng tuyển với kết quả thi đạt yêu cầu của Trường có thể đăng ký học chương trình Kỹ sư chất lượng cao PFIEV hoặc đăng ký tham dự bài kiểm tra đánh giá năng lực để được chọn lựa vào học chương trình Đào tạo tài năng.

TT	Tên Chương trình đào tạo	Chỉ tiêu dự kiến
Chương trình Đào tạo tài năng (tuyển chọn sau khi nhập học)		
1	Kỹ thuật Cơ điện tử (Hệ thống Cơ điện tử thông minh và Rôbốt)	30
2	Kỹ thuật Điện tử - Viễn thông	30
3	Kỹ thuật Điều khiển - Tự động hóa	30
4	Khoa học máy tính	30
5	Toán tin	30
6	Kỹ thuật Hóa học (Công nghệ hóa dược)	30
7	Vật lý kỹ thuật (Công nghệ nano và Quang điện tử)	30
Chương trình Kỹ sư chất lượng cao PFIEV (xét tuyển sau khi nhập học)		
8	Hệ thống thông tin và Truyền thông	30
9	Tin học công nghiệp	30
10	Cơ khí hàng không	30

HỌC PHÍ VÀ HỌC BỔNG

Mức học phí đối với sinh viên khóa mới (Khóa 63) về cơ bản giữ ổn định so với khóa trước (Khóa 62), ngoại trừ học phí của một số ngành được điều chỉnh tăng nhưng đảm bảo mức học phí bình quân thấp hơn mức bình quân tối đa được Chính phủ phê duyệt. Học phí của các chương trình đại học nằm trong khoảng 15-20 triệu đồng/năm học 2018-2019 tùy theo ngành đào tạo. Học phí của các chương trình tiên tiến bằng 1,3-1,5 lần mức

học phí đại học thông thường cùng ngành. Học phí của các Chương trình đào tạo quốc tế do Trường ĐHBK Hà Nội cấp bằng trong khoảng 40-50 triệu đồng/năm học 2018-2019 tùy theo chương trình.

Nhà trường cam kết sử dụng nguồn thu học phí với hiệu quả cao nhất nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đồng thời thực hiện đầy đủ chế độ miễn, giảm học phí theo quy định của Nhà nước. Toàn bộ phần tăng thu học phí hàng năm sẽ được sử dụng để đầu tư tăng cường cơ sở vật chất, phòng học và phòng thí nghiệm, cải thiện các điều kiện và môi trường học tập cho sinh viên.

Nhằm tạo điều kiện cho những sinh viên có hoàn cảnh khó khăn có cơ hội học tập tại Trường, Nhà trường đã áp dụng chính sách cấp Học bổng hỗ trợ học tập với hai mức: Học bổng toàn phần có trị giá tương đương 100% học phí chương trình đại học và Học bổng bán phần ở mức 50% tương ứng. Đối với sinh viên khóa mới có hoàn cảnh gia đình khó khăn và đạt kết quả thi trong top 30% thí sinh trúng tuyển có kết quả cao nhất theo từng ngành, các em có thể nộp hồ sơ đề nghị cấp học bổng ngay từ tháng 6/2018. Bên cạnh đó, Nhà trường xét tặng Học bổng khuyến khích tài năng cho những sinh viên đạt thành tích học tập xuất sắc nhất hằng năm. Đặc biệt, các tân sinh viên Khóa 63 đạt thành tích cao trong các kỳ thi Olympic quốc tế, kỳ thi chọn học sinh giỏi THPT quốc gia, khoa học kỹ thuật, thể thao, văn hóa, văn nghệ cấp quốc gia sẽ được xét tặng Học bổng khuyến khích tài năng để động viên các em phát huy năng lực học tập và tài năng cá nhân tại Trường ĐH Bách khoa Hà Nội.

QUY CHẾ

**Tuyển sinh đại học hệ chính quy;
tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2017/TT-BGDĐT
ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy bao gồm: tổ chức tuyển sinh, đề án tuyển sinh, điều kiện tham gia tuyển sinh của thí sinh, chính sách ưu tiên trong tuyển sinh; tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của trường trong công tác tuyển sinh; tuyển sinh tại các trường sử dụng kết quả của kỳ thi trung học phổ thông (THPT) quốc gia, tuyển sinh tại các trường không sử dụng kết quả của kỳ thi THPT quốc gia; tuyển sinh tại trường sử dụng đồng thời nhiều phương thức tuyển sinh; xử lý thông tin phản ánh vi phạm Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy (sau đây gọi là Quy chế tuyển sinh) và chế độ báo cáo, lưu trữ; khen thưởng và xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến công tác tuyển sinh.

2. Quy chế này áp dụng đối với các đại học, học viện, trường đại học; các trường cao đẳng tuyển sinh nhóm ngành đào tạo giáo viên (sau đây gọi chung là các trường), các sở giáo dục và đào tạo (GDĐT) và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện tuyển sinh đại học (ĐH) hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên (CĐSP) hệ chính quy.

3. Quy chế này không áp dụng đối với việc tuyển sinh đi học nước ngoài.

Điều 2. Tổ chức tuyển sinh

1. Các trường có sử dụng kết quả kỳ thi THPT quốc gia để sơ tuyển, xét tuyển thực hiện các quyền và nhiệm vụ sau:

a) Xác định và công bố công khai tổ hợp các bài thi/môn thi để xét tuyển vào các ngành, nhóm ngành. Trong đó Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ, Khoa học Tự nhiên, Khoa học Xã hội là các bài thi; các môn thi thành phần của bài thi Khoa học tự nhiên, bài thi Khoa học Xã hội là môn thi;

b) Căn cứ hướng dẫn xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển của Bộ GDĐT để quy định cụ thể và công bố công khai điều kiện xét tuyển thẳng và điều kiện ưu tiên xét tuyển vào các ngành học của các đối tượng quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 7 Quy chế này;

c) Các trường có thủ tục sơ tuyển; các trường tổ chức thi đánh giá năng lực chuyên biệt hoặc có môn thi năng khiếu kết hợp với sử dụng kết quả kỳ thi THPT quốc gia (sau đây gọi chung là các trường đặc thù): xác định và công bố công khai trên trang thông tin điện tử của trường và các phương tiện thông tin đại chúng khác về thời gian, hồ sơ đăng ký sơ tuyển; thủ tục, điều kiện đạt yêu cầu sơ tuyển; phương thức tổ chức thi, đề thi minh họa đối với các trường tổ chức thi đánh giá năng lực chuyên biệt và phương thức xét tuyển.

2. Các trường không sử dụng kết quả kỳ thi THPT quốc gia để xét tuyển thực hiện các quyền và nhiệm vụ sau:

a) Lựa chọn, quyết định phương thức tuyển sinh quy định tại điểm a khoản 2 Điều 34 Luật Giáo dục đại học;

Giám đốc các đại học, học viện, Hiệu trưởng các trường (sau đây gọi chung là Hiệu trưởng) chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các khâu: ra đề thi, coi thi, chấm thi (nếu tổ chức thi tuyển); xét tuyển và triệu tập thí sinh trúng tuyển; giải quyết các khiếu nại, tố cáo liên quan đến tuyển sinh;

b) Nếu sử dụng kết quả thi tuyển sinh của các trường khác để xét tuyển phải quy định cụ thể trong đề án tuyển sinh của trường;

c) Có thể tổ chức tuyển sinh riêng từng phần cho một số khoa, ngành;

d) Đảm bảo các yêu cầu: Không để phát sinh hiện tượng các tổ chức và cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức, nhà giáo của nhà trường tổ chức luyện thi; đảm bảo công bằng, công khai, minh bạch trong tuyển sinh; không gây khó khăn, bức xúc đối với thí sinh và xã hội.

3. Các trường sử dụng đồng thời nhiều phương thức tuyển sinh cho một ngành hoặc nhóm ngành (sau đây gọi chung là ngành) phải xác định và công bố công khai chỉ tiêu cho từng phương thức tuyển sinh; thực hiện các quyền và nhiệm vụ tương ứng với từng phương thức quy định tại các khoản 1, 2 Điều này.

4. Các trường có thể tổ chức nhiều đợt tuyển sinh trong năm, báo cáo Bộ GDĐT kết quả tuyển sinh trước ngày 31 tháng 12 hằng năm.

Điều 3. Đề án tuyển sinh

1. Đề án tuyển sinh của trường phải đảm bảo các yêu cầu sau:

a) Cung cấp đầy đủ các thông tin về điều kiện đảm bảo chất lượng: cơ sở vật chất (phòng học, phòng thực hành/thí nghiệm và các trang thiết bị chính yếu, học liệu), đội ngũ giảng viên, quy mô đào tạo cùng một số thông tin quan trọng

khác trong Phụ lục kèm theo Quy chế này.

Bộ GDĐT tổ chức thẩm định độc lập việc kê khai thông tin về điều kiện đảm bảo chất lượng của các trường. Nếu phát hiện trường hợp kê khai thông tin không đúng với điều kiện thực tế thì Bộ GDĐT sẽ quyết định dừng tuyển sinh đối với ngành/nhóm ngành liên quan, đồng thời trường và cá nhân sai phạm sẽ bị xử lý vi phạm theo quy định tại Điều 25 của Quy chế này;

Từ năm 2018 trở đi, ngoài các thông tin nêu trên, các trường phải công bố thêm: tổng chi phí để đào tạo 1 sinh viên/năm, tỷ lệ sinh viên chính quy có việc làm sau 12 tháng kể từ khi tốt nghiệp của 2 khóa gần nhất so với năm tuyển sinh (theo nhóm ngành).

Những trường không công khai đầy đủ các thông tin theo quy định này thì không được thông báo tuyển sinh.

b) Quy định chỉ tiêu tuyển sinh theo các hình thức tuyển sinh khác nhau (nếu có); ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định của Quy chế này;

c) Quy định rõ về việc trường có sử dụng hay không sử dụng kết quả miễn thi bài thi môn ngoại ngữ, điểm thi được bảo lưu theo quy định tại Quy chế thi THPT quốc gia và xét công nhận tốt nghiệp THPT để tuyển sinh;

d) Đối với trường đào tạo trình độ CĐSP xét tuyển học sinh tốt nghiệp trung cấp phải quy định rõ cách thức xét tuyển vào ngành học phù hợp;

đ) Đối với các ngành năng khiếu thuộc khối ngành văn hóa - nghệ thuật, điểm xét tuyển của các môn văn hóa phải đáp ứng yêu cầu tối thiểu để hoàn thành chương trình phổ thông được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ GDĐT chấp thuận.

2. Các trường đào tạo sư phạm có thể mở rộng diện xét tuyển thẳng (ngoài quy định tại khoản 2, 3 Điều 7 của Quy chế này) đối với các học sinh đã tốt nghiệp trường THPT chuyên của các tỉnh, thành phố vào các ngành phù hợp với môn học chuyên hoặc môn đoạt giải nếu đáp ứng điều kiện: ba năm học THPT chuyên của tỉnh đạt học sinh giỏi hoặc đoạt giải nhất, nhì, ba trong các kỳ thi học sinh giỏi do cấp tỉnh trở lên tổ chức và các điều kiện khác do trường quy định trong đề án tuyển sinh của trường.

3. Tất cả các trường đều phải xây dựng và công khai Đề án tuyển sinh trên trang thông tin điện tử của trường và trên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT trước khi thí sinh đăng ký dự thi kỳ thi THPT quốc gia; chịu trách nhiệm giải trình về các nội dung của Đề án; đồng thời, gửi về Bộ GDĐT để phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra.

Điều 4. Chỉ đạo công tác tuyển sinh

Bộ GDĐT ban hành các văn bản hướng dẫn về công tác tuyển sinh chính quy đối với các trường; thống nhất quản lý, chỉ đạo các trường trong công tác tuyển sinh.

Điều 5. Hoạt động thanh tra công tác tuyển sinh

1. Bộ GDĐT tổ chức thanh tra, kiểm tra công tác tuyển sinh của các trường và của các cơ quan, tổ chức tham gia công tác tuyển sinh.

2. Các bộ, ngành; uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là UBND cấp tỉnh) tổ chức kiểm tra công tác tuyển sinh đối với các trường trực thuộc theo thẩm quyền.

3. Chánh Thanh tra Bộ GDĐT quyết định thanh tra và thành lập đoàn thanh tra công tác tuyển sinh; trường hợp cần thiết Bộ trưởng Bộ GDĐT quyết định thanh tra và thành lập đoàn thanh tra công tác tuyển sinh theo quy định.

4. Chánh Thanh tra Sở GDĐT quyết định thanh tra và thành lập đoàn thanh tra công tác tuyển sinh; trường hợp cần thiết Giám đốc Sở GDĐT quyết định thanh tra và thành lập đoàn thanh tra công tác tuyển sinh đối với cơ sở giáo dục trực thuộc UBND cấp tỉnh.

5. Hiệu trưởng các trường tổ chức thanh tra, kiểm tra công tác tuyển sinh trong cơ sở theo quy định.

6. Trình tự, thủ tục tổ chức thanh tra, kiểm tra theo quy định của pháp luật về thanh tra, kiểm tra và hướng dẫn của Bộ GDĐT.

7. Những người có người thân (con, vợ, chồng, bố, mẹ, anh, chị, em ruột của mình và của vợ hoặc chồng) dự thi hay xét tuyển vào các trường không được tham gia công tác thanh tra, kiểm tra công tác tuyển sinh trong năm đó.

Điều 6. Điều kiện tham gia tuyển sinh của thí sinh

1. Đã tốt nghiệp THPT (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên) hoặc đã tốt nghiệp trung cấp, sau đây gọi chung là tốt nghiệp trung học;

Người tốt nghiệp trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và được công nhận hoàn thành các môn văn hóa trong chương trình giáo dục THPT theo quy định của Bộ GDĐT.

2. Có đủ sức khoẻ để học tập theo quy định hiện hành. Đối với người khuyết tật được UBND cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt và học tập do hậu quả của chất độc hoá học là con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học: Hiệu trưởng các trường xem xét, quyết định cho dự tuyển sinh vào các ngành học phù hợp với tình trạng

sức khoẻ.

3. Trong độ tuổi quy định đối với những trường, ngành có quy định về tuổi.

4. Đạt các yêu cầu sơ tuyển, nếu đăng ký xét tuyển (ĐKXT) hoặc dự thi vào các trường có quy định sơ tuyển.

5. Có hộ khẩu thường trú thuộc vùng tuyển quy định, nếu ĐKXT hoặc dự thi vào các trường có quy định vùng tuyển.

6. Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ chỉ được dự tuyển vào những trường do Bộ Quốc phòng hoặc Bộ Công an quy định sau khi đã được cấp có thẩm quyền cho phép đi học; quân nhân tại ngũ sắp hết hạn nghĩa vụ quân sự theo quy định, nếu được Thủ trưởng từ cấp trung đoàn trở lên cho phép, thì được dự tuyển theo nguyện vọng cá nhân, nếu trúng tuyển phải nhập học ngay năm đó, không được bảo lưu sang năm học sau.

Điều 7. Chính sách ưu tiên trong tuyển sinh

1. Chính sách ưu tiên theo đối tượng.

a) Nhóm ưu tiên 1 (UT1) gồm các đối tượng:

- Đối tượng 01: Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú (trong thời gian học THPT hoặc trung cấp) trên 18 tháng tại Khu vực 1 quy định tại điểm c khoản 4 Điều 7 của Quy chế này;

- Đối tượng 02: Công nhân trực tiếp sản xuất đã làm việc liên tục 5 năm trở lên, trong đó có ít nhất 2 năm là chiến sĩ thi đua được cấp tỉnh trở lên công nhận và cấp bằng khen;

- Đối tượng 03:

+ Thương binh, bệnh binh, người có “Giấy chứng nhận người được hưởng chính sách như thương binh”;

+ Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ từ 12 tháng trở lên tại Khu vực 1;

+ Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ từ 18 tháng trở lên;

+ Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân đã xuất ngũ, được công nhận hoàn thành nghĩa vụ phục vụ tại ngũ theo quy định;

+ Các đối tượng ưu tiên quy định tại điểm i, k, l, m khoản 1 Điều 2 Pháp lệnh số 26/2005/PL-UBTVQH11 ngày 29 tháng 6 năm 2005 được sửa đổi, bổ sung theo Pháp lệnh số 04/2012/UBTVQH13 ngày 16 tháng 7 năm 2012 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc ưu đãi người có công với cách mạng;

- Đối tượng 04:

- + Con liệt sĩ;
- + Con thương binh bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên;
- + Con bệnh binh bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên;
- + Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 81% trở lên;
- + Con của người được cấp “Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh” mà người được cấp “Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh” bị suy giảm khả năng lao động 81% trở lên;
- + Con của Anh hùng lực lượng vũ trang, con của Anh hùng lao động;
- + Người bị dị dạng, dị tật do hậu quả của chất độc hóa học đang hưởng trợ cấp hằng tháng là con đẻ của người hoạt động kháng chiến;
- + Con của người có công với cách mạng quy định tại điểm a, b, d khoản 1 Điều 2 Pháp lệnh số 26/2005/PL-UBTVQH11 ngày 29 tháng 6 năm 2005 được sửa đổi, bổ sung theo Pháp lệnh số 04/2012/UBTVQH13 ngày 16 tháng 7 năm 2012 về việc ưu đãi người có công với cách mạng.

b) Nhóm ưu tiên 2 (UT2) gồm các đối tượng:

- Đối tượng 05:

- + Thanh niên xung phong tập trung được cử đi học;
- + Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ dưới 12 tháng ở Khu vực 1 và dưới 18 tháng không ở Khu vực 1;
- + Chỉ huy trưởng, Chỉ huy phó ban chỉ huy quân sự xã, phường, thị trấn; Thôn đội trưởng, Trung đội trưởng Dân quân tự vệ nông cốt, Dân quân tự vệ đã hoàn thành nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ nông cốt từ 12 tháng trở lên, dự thi vào ngành Quân sự cơ sở. Thời hạn tối đa được hưởng ưu tiên là 18 tháng kể từ ngày ký quyết định xuất ngũ đến ngày dự thi hay ĐKXT;

- Đối tượng 06:

- + Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú ở ngoài khu vực đã quy định thuộc đối tượng 01;
- + Con thương binh, con bệnh binh, con của người được hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động dưới 81%;
- + Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động dưới 81%;

+ Con của người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày;

+ Con của người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế có giấy chứng nhận được hưởng chế độ ưu tiên theo quy định tại Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng;

+ Con của người có công giúp đỡ cách mạng;

- Đối tượng 07:

+ Người khuyết tật nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định tại Thông tư liên tịch số 37/2012/TTLT-BLĐTBXH-BYT-BTC-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế, Bộ Tài chính và Bộ GDĐT quy định về việc xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng xác định mức độ khuyết tật thực hiện;

+ Người lao động ưu tú thuộc tất cả các thành phần kinh tế được từ cấp tỉnh, Bộ trở lên công nhận danh hiệu thợ giỏi, nghệ nhân, được cấp bằng hoặc huy hiệu Lao động sáng tạo của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam hoặc Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh;

+ Giáo viên đã giảng dạy đủ 3 năm trở lên thi vào các ngành sư phạm;

+ Y tá, dược tá, hộ lý, kỹ thuật viên, y sĩ, dược sĩ trung cấp đã công tác đủ 3 năm trở lên thi vào các ngành y, dược.

c) Những đối tượng ưu tiên khác đã được quy định trong các văn bản pháp luật hiện hành sẽ do Bộ trưởng Bộ GDĐT xem xét, quyết định.

d) Người có nhiều diện ưu tiên theo đối tượng chỉ được hưởng một diện ưu tiên cao nhất.

2. Các đối tượng được xét tuyển thẳng vào các trường:

a) Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến, Chiến sĩ thi đua toàn quốc đã tốt nghiệp trung học;

b) Người đã trúng tuyển vào các trường, nhưng ngay năm đó có lệnh điều động đi nghĩa vụ quân sự hoặc đi thanh niên xung phong tập trung nay đã hoàn thành nghĩa vụ, được phục viên, xuất ngũ mà chưa được nhận vào học ở một trường lớp chính quy dài hạn nào, được từ cấp trung đoàn trong quân đội hoặc Tổng đội thanh niên xung phong giới thiệu, nếu có đủ các điều kiện và tiêu chuẩn về sức khỏe, có đầy đủ các giấy tờ hợp lệ thì được xem xét nhận vào học tại trường trước đây đã trúng tuyển. Nếu việc học tập bị gián đoạn từ 3 năm trở

lên và các đối tượng được xét tuyển thẳng có nguyện vọng, thì được xem xét giới thiệu vào các trường, lớp dự bị để ôn tập trước khi vào học chính thức;

c) Thí sinh tham dự kỳ thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế, trong đội tuyển quốc gia dự Cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc tế đã tốt nghiệp THPT thì được xét tuyển thẳng vào ĐH theo ngành phù hợp với môn thi hoặc nội dung đề tài dự thi của thí sinh. Thí sinh trong đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế, dự Cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc tế nếu chưa tốt nghiệp THPT sẽ được bảo lưu kết quả đến hết năm tốt nghiệp THPT;

d) Thí sinh đã tốt nghiệp THPT là thành viên đội tuyển quốc gia, được Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch xác nhận đã hoàn thành nhiệm vụ tham gia thi đấu trong các giải quốc tế chính thức, bao gồm: Giải vô địch thế giới, Cúp thế giới, Thế vận hội Olympic, Đại hội Thể thao châu Á (ASIAD), Giải vô địch châu Á, Cúp châu Á, Giải vô địch Đông Nam Á, Đại hội Thể thao Đông Nam Á (SEA Games), Cúp Đông Nam Á được xét tuyển thẳng vào các trường ĐH, CĐSP thể dục, thể thao (TĐTT) hoặc các ngành TĐTT của các trường theo quy định của từng trường.

đ) Thí sinh năng khiếu nghệ thuật đã tốt nghiệp THPT hoặc tốt nghiệp trung cấp các trường năng khiếu nghệ thuật, đoạt giải chính thức trong các cuộc thi nghệ thuật quốc tế về ca, múa, nhạc được xét tuyển thẳng vào học các ngành tương ứng trình độ ĐH, CĐSP của các trường năng khiếu, nghệ thuật theo quy định của từng trường;

Những thí sinh đoạt giải các ngành TĐTT, năng khiếu nghệ thuật, thời gian được tính để hưởng ưu tiên là không quá 4 năm tính đến ngày dự thi hoặc xét tuyển vào trường.

e) Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia; thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, đã tốt nghiệp THPT được xét tuyển thẳng vào ĐH theo ngành phù hợp với môn thi hoặc nội dung đề tài dự thi mà thí sinh đã đoạt giải.

Thí sinh đoạt giải khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia; thí sinh đoạt giải khuyến khích trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, đã tốt nghiệp THPT, được xét tuyển thẳng vào CĐSP theo ngành phù hợp với môn thi hoặc nội dung đề tài dự thi mà thí sinh đã đoạt giải;

Thí sinh đoạt giải trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, đoạt giải trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, nếu chưa tốt nghiệp THPT được bảo lưu đến hết năm tốt nghiệp THPT;

g) Đối với thí sinh là người khuyết tật đặc biệt nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định: Hiệu trưởng các

trường căn cứ vào kết quả học tập THPT của học sinh (học bạ), tình trạng sức khỏe và yêu cầu của ngành đào tạo để xem xét, quyết định cho vào học;

h) Đối với thí sinh là người nước ngoài, có nguyện vọng học tại các trường ĐH, CĐSP Việt Nam: Hiệu trưởng các trường căn cứ kết quả học tập THPT của học sinh (bảng điểm), kết quả kiểm tra kiến thức và năng lực tiếng Việt theo quy định của trường để xem xét, quyết định cho vào học;

i) Thí sinh có hộ khẩu thường trú từ 3 năm trở lên, học 3 năm và tốt nghiệp THPT tại các huyện nghèo (học sinh học phổ thông dân tộc nội trú tính theo hộ khẩu thường trú), tính đến ngày nộp hồ sơ ĐKXT theo quy định tại Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo và Quyết định số 293/QĐ-TTg ngày 05 tháng 02 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho 23 huyện có tỷ lệ hộ nghèo cao được áp dụng cơ chế, chính sách đầu tư cơ sở hạ tầng theo quy định của Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo; thí sinh là người dân tộc rất ít người theo quy định hiện hành của Thủ tướng Chính phủ và thí sinh 20 huyện nghèo biên giới, hải đảo thuộc khu vực Tây Nam Bộ;

Những thí sinh này phải học bổ sung kiến thức 1 năm học trước khi vào học chính thức. Chương trình bổ sung kiến thức do Hiệu trưởng các trường quy định.

k) Người có bằng trung cấp ngành sư phạm loại giỏi trở lên; người có bằng trung cấp ngành sư phạm loại khá có ít nhất 02 năm làm việc theo chuyên ngành hoặc nghề đã được đào tạo, đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 6 của Quy chế này được xét tuyển thẳng vào cùng ngành sư phạm trình độ cao đẳng.

3. Thí sinh không dùng quyền xét tuyển thẳng được ưu tiên xét tuyển vào các trường ĐH, CĐSP.

a) Đối với thí sinh đoạt giải trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, đoạt giải trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia và đã tốt nghiệp trung học, nếu có kết quả thi THPT quốc gia đáp ứng tiêu chí đảm bảo chất lượng đầu vào quy định của Quy chế này, Hiệu trưởng các trường xem xét, quyết định cho vào học;

b) Thí sinh đoạt huy chương vàng các giải vô địch hạng nhất quốc gia tổ chức một lần trong năm và thí sinh được Ủy ban TĐTT có quyết định công nhận là kiện tướng quốc gia đã tham dự kỳ thi THPT quốc gia, không có môn nào có kết quả từ 1,0 điểm trở xuống, được ưu tiên xét tuyển vào ĐH TĐTT hoặc các ngành TĐTT tương ứng theo quy định của từng trường.

Thí sinh đoạt huy chương bạc, huy chương đồng các giải vô địch hạng nhất quốc gia tổ chức 1 lần trong năm và thí sinh được Ủy ban TĐTT có quyết

định công nhận là vận động viên cấp 1 quốc gia đã tham dự kỳ thi THPT quốc gia, không có môn nào có kết quả từ 1,0 điểm trở xuống, được ưu tiên xét tuyển vào CĐSP TĐTT hoặc các ngành TĐTT tương ứng của các trường;

c) Thí sinh năng khiếu nghệ thuật đã tốt nghiệp trung học hoặc tốt nghiệp trung cấp các trường năng khiếu nghệ thuật, đoạt giải chính thức trong các cuộc thi nghệ thuật chuyên nghiệp chính thức toàn quốc về ca, múa, nhạc đã tham dự kỳ thi THPT quốc gia, không có môn nào có kết quả từ 1,0 điểm trở xuống, được trường ĐH, CĐSP ưu tiên xét tuyển theo quy định của từng trường;

Những thí sinh đoạt giải các ngành TĐTT, năng khiếu nghệ thuật thời gian được tính để hưởng ưu tiên là không quá 4 năm tính đến ngày dự thi hoặc xét tuyển vào trường.

4. Chính sách ưu tiên theo khu vực

a) Thí sinh học liên tục và tốt nghiệp trung học tại khu vực nào thì hưởng ưu tiên theo khu vực đó. Nếu trong 3 năm học THPT (hoặc trong thời gian học trung cấp) có chuyển trường thì thời gian học ở khu vực nào lâu hơn được hưởng ưu tiên theo khu vực đó. Nếu mỗi năm học một trường thuộc các khu vực có mức ưu tiên khác nhau hoặc nửa thời gian học ở trường này, nửa thời gian học ở trường kia thì tốt nghiệp ở khu vực nào, hưởng ưu tiên theo khu vực đó. Quy định này áp dụng cho tất cả thí sinh, kể cả thí sinh đã tốt nghiệp từ trước năm tuyển sinh.

b) Các trường hợp sau đây được hưởng ưu tiên khu vực theo hộ khẩu thường trú:

- Học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú;
- Học sinh các trường, lớp dự bị ĐH;
- Học sinh các lớp tạo nguồn được mở theo quyết định của các Bộ, cơ quan ngang Bộ hoặc UBND cấp tỉnh;
- Học sinh có hộ khẩu thường trú (trong thời gian học THPT hoặc trung cấp) trên 18 tháng tại các xã khu vực III và các xã có thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc và miền núi theo quy định của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 theo quy định của Thủ tướng Chính phủ nếu học THPT (hoặc trung cấp) tại địa điểm thuộc huyện, thị xã có ít nhất một trong các xã thuộc diện nói trên;
- Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân được cử đi dự thi, nếu đóng quân từ 18 tháng trở lên tại khu vực nào thì hưởng ưu tiên theo khu vực đó hoặc theo hộ khẩu thường trú trước khi nhập ngũ, tùy theo khu vực nào có mức ưu tiên cao hơn; nếu dưới 18 tháng thì hưởng ưu tiên khu vực theo hộ khẩu thường trú trước khi nhập ngũ.

c) Các khu vực tuyển sinh được phân chia như sau:

Khu vực 1 (KV1) gồm:

Các xã khu vực I, II, III thuộc vùng dân tộc và miền núi theo quy định hiện hành tương ứng với thời gian học THPT hoặc trung cấp của thí sinh; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

- Khu vực 2 - nông thôn (KV2-NT) gồm:

Các địa phương không thuộc KV1, KV2, KV3;

- Khu vực 2 (KV2) gồm:

Các thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh; các thị xã, huyện ngoại thành của thành phố trực thuộc trung ương (trừ các xã thuộc KV1);

- Khu vực 3 (KV3) gồm:

Các quận nội thành của thành phố trực thuộc trung ương. Thí sinh thuộc KV3 không thuộc diện hưởng ưu tiên khu vực.

5. Khung điểm ưu tiên theo đối tượng và khu vực

Mức chênh lệch điểm trúng tuyển giữa hai nhóm đối tượng kế tiếp là 1,0 (một điểm), giữa hai khu vực kế tiếp là 0,5 (nửa điểm) tương ứng với tổng điểm 3 bài thi/môn thi (trong tổ hợp môn xét tuyển) không nhân hệ số theo thang điểm 10.

Chương II

TỔ CHỨC, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA CÁC TRƯỜNG TRONG CÔNG TÁC TUYỂN SINH

Điều 8. Tổ chức, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng tuyển sinh trường

1. Hiệu trưởng các trường ra quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh (HĐTS) để điều hành các công việc liên quan đến công tác tuyển sinh.

2. Thành phần của HĐTS trường gồm có:

a) Chủ tịch: Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng;

b) Phó Chủ tịch: Phó Hiệu trưởng;

c) Ủy viên thường trực: Trưởng phòng hoặc Phó Trưởng phòng Đào tạo (hoặc Phòng Khảo thí);

d) Các ủy viên: Một số Trưởng phòng, Trưởng khoa, Trưởng bộ môn và cán bộ công nghệ thông tin.

Những người có người thân (con, vợ, chồng, bố, mẹ, anh, chị, em ruột của mình và của vợ hoặc chồng) dự thi hay xét tuyển vào trường không được tham gia HĐTS của trường và các ban giúp việc HĐTS trường trong năm đó.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐTS trường.

- a) Tổ chức triển khai các phương án tuyển sinh đã lựa chọn;
- b) Giải quyết thắc mắc và khiếu nại, tố cáo liên quan đến công tác tuyển sinh;
- c) Thu và sử dụng lệ phí tuyển sinh, lệ phí xét tuyển;
- d) Tổng kết công tác tuyển sinh; quyết định khen thưởng, kỷ luật theo quy định;
- đ) Báo cáo kịp thời kết quả công tác tuyển sinh cho Bộ GDĐT và cơ quan trực tiếp quản lý trường (Bộ, Ngành, UBND cấp tỉnh).

4. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch HĐTS trường.

- a) Tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về công tác tuyển sinh của trường;
- b) Báo cáo với Bộ GDĐT và các cơ quan có trách nhiệm về công tác tuyển sinh của trường;
- c) Thành lập các ban giúp việc cho HĐTS trường để triển khai công tác tuyển sinh.

5. Phó Chủ tịch HĐTS trường thực hiện các nhiệm vụ được Chủ tịch HĐTS phân công và thay mặt Chủ tịch HĐTS giải quyết công việc khi Chủ tịch HĐTS uỷ quyền.

Điều 9. Tổ chức, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban thư ký HĐTS trường

1. Thành phần Ban Thư ký HĐTS trường gồm có:

- a) Trưởng ban do Ủy viên thường trực HĐTS trường kiêm nhiệm;
- b) Các uỷ viên: một số cán bộ Phòng Đào tạo hoặc Phòng Khảo thí, các khoa, phòng và cán bộ công nghệ thông tin.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban thư ký HĐTS của trường sử dụng kết quả kỳ thi THPT quốc gia để sơ tuyển, xét tuyển:

- a) Cập nhật lên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT tất cả các thông tin của trường theo quy định tại Điều 13 của Quy chế này để thực hiện xét tuyển;
- b) Dự kiến phương án điểm trúng tuyển, trình HĐTS quyết định;
- c) Lập danh sách thí sinh trúng tuyển;
- d) Triệu tập thí sinh trúng tuyển;

đ) Kiểm tra hồ sơ của thí sinh trúng tuyển theo quy định tại Điều 14, 15 của Quy chế này;

e) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch HĐTS giao.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban thư ký HĐTS trường đối với trường không sử dụng kết quả kỳ thi THPT quốc gia để sơ tuyển, xét tuyển:

a) Công bố các thông tin liên quan đến điều kiện, hồ sơ, thời gian và địa điểm đăng ký dự thi, xét tuyển trên trang thông tin điện tử của trường và các phương tiện thông tin đại chúng khác;

b) Thực hiện các nhiệm vụ khác của Ban thư ký theo quy định của Quy chế thi THPT quốc gia và xét công nhận tốt nghiệp THPT nếu thực hiện thi tuyển.

c) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch HĐTS giao.

Điều 10. Tổ chức, nhiệm vụ và quyền hạn của các ban chuyên môn đối với trường tuyển sinh bằng phương thức thi tuyển hoặc thi tuyển kết hợp với xét tuyển

1. Các ban chuyên môn đối với trường tuyển sinh bằng phương thức thi tuyển hoặc thi tuyển kết hợp với xét tuyển gồm: Ban Thư ký, Ban Đề thi, Ban Coi thi, Ban Chấm thi, Ban Phúc khảo.

2. Tổ chức, nhiệm vụ và quyền hạn của các Ban chuyên môn của các trường tổ chức thi tuyển thực hiện theo quy định của Quy chế thi THPT quốc gia và xét công nhận tốt nghiệp THPT. Hiệu trưởng các trường tổ chức thi các môn năng khiếu, thi đánh giá năng lực chuyên biệt, có thể ban hành Quy chế tuyển sinh của trường sau khi tham khảo ý kiến của Hội đồng Khoa học và Đào tạo trường, công bố công khai trên trang thông tin điện tử của trường và gửi về Bộ GDĐT để báo cáo.

Chương III

TUYỂN SINH TẠI CÁC TRƯỜNG SỬ DỤNG KẾT QUẢ CỦA KỲ THI THPT QUỐC GIA

Điều 11. Nguyên tắc lựa chọn tổ hợp các bài thi/môn thi để xét tuyển

1. Những trường sử dụng tổ hợp các bài thi/môn thi mới ngoài các khối thi truyền thống (khối thi mà trường đã sử dụng từ năm 2014 trở về trước) để xét tuyển cho một ngành cần dành ít nhất 25% chỉ tiêu của ngành đó để xét tuyển theo các khối thi truyền thống. Quy định này chỉ thực hiện trong năm 2017.

2. Việc thêm các tổ hợp bài thi/môn thi mới để xét tuyển được thực hiện theo nguyên tắc:

a) Sử dụng kết quả của 3 bài thi/môn thi, trong đó có ít nhất một trong hai bài thi Toán, Ngữ văn để xét tuyển. Các bài thi/môn thi đưa vào tổ hợp để xét tuyển phải gắn với yêu cầu của ngành đào tạo; không sử dụng nhiều hơn 4 tổ hợp bài thi/môn thi để xét tuyển cho một ngành;

b) Đối với các trường, ngành năng khiếu, sử dụng kết quả của 3 bài thi/môn thi, trong đó, có ít nhất một bài thi Toán hoặc Ngữ văn kết hợp với kết quả thi năng khiếu để xét tuyển.

3. Tùy theo yêu cầu của ngành đào tạo, các trường có thể quy định bài thi/môn thi chính được nhân hệ số khi xét tuyển.

Điều 12. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào

1. Năm 2017, Bộ GDĐT quy định ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào như sau:

a) Căn cứ kết quả của kỳ thi THPT quốc gia, Bộ GDĐT xác định ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào ĐH để các trường xây dựng phương án xét tuyển.

b) Các trường ĐH đóng trên địa bàn các tỉnh thuộc khu vực Tây Bắc, Tây Nguyên và Tây Nam Bộ được xét tuyển những thí sinh có hộ khẩu thường trú từ 3 năm trở lên, học 3 năm liên tục và tốt nghiệp trung học tại các tỉnh thuộc khu vực này với kết quả thi (tổng điểm 3 bài thi/môn thi của tổ hợp dùng để xét tuyển) thấp hơn ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào 1,0 điểm (theo thang điểm 10) và phải học bổ sung kiến thức một học kỳ trước khi vào học chính thức. Chương trình bổ sung kiến thức do Hiệu trưởng các trường quy định.

2. Từ năm 2018 trở đi, khi các trường đã công khai đầy đủ và chuẩn xác các thông tin theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 của Quy chế này thì mỗi trường tự xác định ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào cho trường mình.

Điều 13. Tổ chức xét tuyển

1. Nguyên tắc xét tuyển:

a) Thí sinh có đủ các điều kiện quy định tại Điều 6 của Quy chế này và đáp ứng yêu cầu của trường có quyền ĐKXT;

b) Thí sinh được ĐKXT không giới hạn số nguyện vọng, số trường và phải sắp xếp nguyện vọng theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp (nguyện vọng 1 là nguyện vọng cao nhất). Trong xét tuyển đợt 1, đối với từng trường, ngành, thí sinh được xét tuyển bình đẳng theo kết quả thi, không phân biệt thứ tự ưu tiên của nguyện vọng đăng ký trừ quy định tại điểm c khoản này. Đối với mỗi thí sinh, nếu ĐKXT vào nhiều trường/ngành thì việc xét tuyển được thực hiện theo thứ tự ưu tiên của các nguyện vọng; thí sinh chỉ trúng tuyển vào 1 nguyện vọng ưu tiên cao nhất có thể trong danh sách các nguyện vọng đã đăng ký. Thí sinh ĐKXT vào các

trường thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, ngoài các quy định này còn phải thực hiện các quy định, hướng dẫn của Bộ liên quan;

c) Điểm xét tuyển là tổng điểm các bài thi/môn thi theo thang điểm 10 đối với từng bài thi/môn thi của từng tổ hợp xét tuyển và được làm tròn đến 0,25; cộng với điểm ưu tiên đối tượng, khu vực theo Điều 7 của Quy chế này. Đối với các thí sinh bằng điểm xét tuyển ở cuối danh sách thì xét trúng tuyển theo các điều kiện phụ do mỗi trường đã thông báo, nếu vẫn còn vượt chỉ tiêu thì ưu tiên thí sinh có nguyện vọng cao hơn;

d) Thí sinh trúng tuyển phải xác nhận nhập học trong thời hạn quy định. Quá thời hạn này, thí sinh không xác nhận nhập học được xem như từ chối nhập học và trường được xét tuyển thí sinh khác trong đợt xét tuyển bổ sung;

đ) Các trường có thể thực hiện nhiều đợt tuyển sinh trong năm.

2. Hỗ trợ của Bộ Giáo dục và Đào tạo:

Bộ GD&ĐT xây dựng Cổng thông tin tuyển sinh để hỗ trợ thí sinh và các trường trong công tác tuyển sinh, bao gồm các thông tin về: chỉ đạo điều hành công tác tuyển sinh; cơ sở dữ liệu về kết quả kỳ thi THPT quốc gia; đề án tuyển sinh/điều kiện tuyển sinh của các trường; hệ thống nhập dữ liệu thống kê nguyện vọng của thí sinh và các thông tin khác cần thiết cho công tác tuyển sinh.

3. Nhiệm vụ của các trường:

a) Trước khi thí sinh làm thủ tục ĐKXT, các trường công bố các thông tin cần thiết lên trang thông tin điện tử của trường để thí sinh ĐKXT: mã số trường, mã số ngành, chỉ tiêu tuyển sinh của ngành, tổ hợp xét tuyển, quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp, các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển và các quy định khác không trái với quy định của Quy chế này; nhập đầy đủ các thông tin về tuyển sinh của trường lên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GD&ĐT trong thời hạn quy định. Riêng điểm nhận ĐKXT có thể quy định sau khi có kết quả thi THPT quốc gia và phù hợp với ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định của Quy chế này;

b) Các trường có thể tự nguyện phối hợp với nhau thành nhóm trường để thực hiện xét tuyển;

c) Thực hiện quy trình xét tuyển đợt 1 quy định tại khoản 5 Điều này và xét tuyển bổ sung quy định tại khoản 6 Điều này; quyết định điểm trúng tuyển, danh sách thí sinh trúng tuyển vào các ngành của trường và công bố kết quả trúng tuyển trong thời hạn quy định;

d) Cập nhật lên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GD&ĐT danh sách thí sinh đã xác nhận nhập học; báo cáo Bộ GD&ĐT kết quả nhập học của thí sinh sau mỗi kỳ tuyển sinh theo quy định.

đ) Chỉ tiêu tuyển sinh của các cơ sở giáo dục ĐH xác định theo Thông tư số 32/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 12 năm 2015 của Bộ GDĐT quy định về xác định chỉ tiêu tuyển sinh đối với cơ sở giáo dục ĐH; chỉ tiêu tuyển sinh CĐSP xác định theo quy định tại Thông tư số 57/2011/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 12 năm 2011 của Bộ GDĐT quy định việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ tiến sĩ, thạc sĩ, đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp. Đối với các trường được thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động giai đoạn 2014-2017 theo Nghị quyết số 77/NQ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ, chỉ tiêu tuyển sinh căn cứ vào nội dung quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của trường.

4. Nhiệm vụ của thí sinh:

a) Đề xét tuyển đợt 1, thí sinh nộp phiếu ĐKXT cùng với hồ sơ đăng ký dự thi THPT quốc gia theo quy định của sở GDĐT kèm theo lệ phí ĐKXT. Trong các đợt xét tuyển bổ sung, thí sinh thực hiện ĐKXT và nộp lệ phí theo quy định của trường;

b) Sau khi có kết quả thi THPT quốc gia, thí sinh được điều chỉnh nguyện vọng ĐKXT một lần trong thời gian quy định, bằng phương thức trực tuyến hoặc trực tiếp tại nơi đăng ký dự thi;

c) Xác nhận nhập học vào trường đã trúng tuyển theo quy định tại điểm d khoản 5 hoặc điểm e khoản 6 Điều này;

d) Thí sinh chịu trách nhiệm về tính xác thực của các thông tin ĐKXT và đăng ký dự thi. Các trường có quyền từ chối tiếp nhận hoặc buộc thôi học nếu thí sinh không đảm bảo các điều kiện trúng tuyển khi đối chiếu thông tin ĐKXT và dữ liệu đăng ký dự thi với hồ sơ gốc.

5. Xét tuyển đợt 1

a) Sau khi kết thúc thời gian ĐKXT, các trường tham khảo thông tin trên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT để chuẩn bị phương án tuyển sinh phù hợp;

b) Sau khi hết thời hạn thí sinh được điều chỉnh nguyện vọng ĐKXT, các trường/nhóm trường khai thác thông tin (của trường/nhóm trường mình và của các trường/nhóm trường khác có liên quan) trên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT để dự kiến điểm trúng tuyển, dự kiến danh sách thí sinh trúng tuyển vào trường/nhóm trường theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;

c) Các trường/nhóm trường (bao gồm cả các trường đặc thù quy định tại điểm c khoản 1 Điều 2 của Quy chế này) nhập lên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT danh sách thí sinh trúng tuyển dự kiến trong thời gian quy định để hệ thống tự động loại bỏ những nguyện vọng thấp của thí sinh được dự kiến trúng tuyển nhiều nguyện vọng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;

d) Các trường/nhóm trường điều chỉnh điểm trúng tuyển cho phù hợp với chỉ tiêu trong thời hạn quy định; quyết định điểm trúng tuyển và danh sách thí sinh trúng tuyển chính thức; công bố kết quả trúng tuyển trên trang thông tin điện tử của trường và trên phương tiện thông tin đại chúng khác;

đ) Thí sinh xác nhận nhập học vào trường đã trúng tuyển trong thời hạn quy định bằng cách gửi bản chính Giấy chứng nhận kết quả thi đến trường bằng thư chuyên phát nhanh;

e) Các trường tổng hợp kết quả thí sinh xác nhận nhập học, cập nhật lên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT và quyết định dừng xét tuyển hay tiếp tục xét tuyển bổ sung.

6. Xét tuyển bổ sung

a) Xét tuyển bổ sung có thể được thực hiện một lần hay nhiều lần;

b) Căn cứ chỉ tiêu tuyển sinh của trường và số thí sinh trúng tuyển đã xác nhận nhập học tại trường sau xét tuyển đợt 1 (kể cả số thí sinh được xét tuyển thẳng và số học sinh dự bị của trường; học sinh các trường dự bị ĐH được giao về trường), Hội đồng tuyển sinh trường xem xét, quyết định các nội dung xét tuyển bổ sung;

c) Các trường thông báo điều kiện xét tuyển bổ sung, điểm nhận hồ sơ xét tuyển bổ sung không được thấp hơn điểm trúng tuyển đợt 1; công bố lịch xét tuyển;

d) Thí sinh chưa trúng tuyển hay đã trúng tuyển mà chưa xác nhận nhập học vào bất cứ trường nào có thể thực hiện ĐKXT bổ sung trực tuyến hoặc theo phương thức khác do trường quy định;

đ) Kết thúc mỗi đợt xét tuyển, trường công bố trên trang thông tin điện tử của trường và trên phương tiện thông tin đại chúng về điểm trúng tuyển, danh sách thí sinh trúng tuyển;

e) Thí sinh xác nhận nhập học trong thời hạn quy định, bằng phương thức trực tuyến hoặc theo quy định của từng trường;

g) Trường cập nhật danh sách thí sinh xác nhận nhập học lên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT.

Điều 14. Triệu tập thí sinh trúng tuyển đến trường

1. Hội đồng tuyển sinh trường gửi giấy triệu tập thí sinh trúng tuyển, trong đó ghi rõ những thủ tục cần thiết đối với thí sinh khi nhập học.

2. Trường tổ chức kiểm tra sức khỏe cho thí sinh mới nhập học theo hướng dẫn của liên Bộ Y tế và Bộ GDĐT.

3. Thí sinh trúng tuyển vào trường cần nộp bản sao hợp lệ những giấy tờ sau đây:

a) Học bạ;

b) Giấy chứng nhận tốt nghiệp trung học tạm thời đối với những người trúng tuyển ngay trong năm tốt nghiệp hoặc bằng tốt nghiệp trung học đối với những người đã tốt nghiệp các năm trước. Những người mới nộp giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời, đầu năm học sau phải xuất trình bản chính bằng tốt nghiệp trung học để đối chiếu kiểm tra;

c) Giấy khai sinh;

d) Các minh chứng để được hưởng chế độ ưu tiên quy định trong văn bản hướng dẫn của Bộ GDĐT;

đ) Giấy triệu tập trúng tuyển.

4. Đối với thí sinh đến trường nhập học chậm sau 15 ngày trở lên kể từ ngày nhập học ghi trong giấy triệu tập trúng tuyển:

a) Nếu không có lý do chính đáng thì coi như bỏ học;

b) Nếu đến chậm do ốm đau, tai nạn, có giấy xác nhận của bệnh viện quận, huyện trở lên hoặc do thiên tai có xác nhận của UBND quận, huyện trở lên, các trường xem xét quyết định tiếp nhận vào học hoặc bảo lưu kết quả tuyển sinh để thí sinh vào học năm sau.

5. Chỉ có Chủ tịch UBND cấp tỉnh mới có quyền ký quyết định giữ lại người đã trúng tuyển, nhưng phải giải thích rõ lý do và căn cứ pháp luật của quyết định đó. Những thí sinh bị địa phương giữ lại không cho đi học có quyền khiếu nại lên các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Luật khiếu nại, tố cáo.

Điều 15. Kiểm tra hồ sơ của thí sinh trúng tuyển

1. Khi thí sinh đến nhập học, trường phải tổ chức kiểm tra hồ sơ đã nộp theo quy định tại khoản 3 Điều 14 của Quy chế này.

2. Trong quá trình sinh viên đang theo học tại trường, trường tổ chức thanh tra, kiểm tra hồ sơ và kết quả thi của thí sinh theo quy định.

Điều 16. Sử dụng công nghệ thông tin trong công tác tuyển sinh

1. Các sở GDĐT chuẩn bị đủ cơ sở vật chất, thiết bị và cử cán bộ đủ trình độ nhập dữ liệu ĐKXT ban đầu của thí sinh lên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT; đảm bảo quy trình, thời hạn thực hiện công việc theo kế hoạch chung về tuyển sinh.

2. Các trường chuẩn bị đủ cơ sở vật chất, thiết bị và cử cán bộ đủ trình độ làm chuyên trách công nghệ thông tin để thực hiện các công việc sau:

a) Lập địa chỉ e-mail chính thức sử dụng trong công tác tuyển sinh;

b) Khai thác, xử lý thông tin; cập nhật dữ liệu... theo đúng cấu trúc, quy

trình, thời hạn lên Công thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT;

c) Gửi Giấy báo trúng tuyển cho thí sinh trúng tuyển, trong đó ghi rõ kết quả thi của thí sinh;

d) Thực hiện các quy định tại Điều 13 của Quy chế này và các quy định khác về tuyển sinh.

3. Người nhập dữ liệu lên Công thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu thông tin đã nhập với thông tin liên quan trong hồ sơ thí sinh và thông tin trên cơ sở dữ liệu thi THPT quốc gia; ký biên bản xác nhận và chịu trách nhiệm về công tác kiểm tra.

Chương IV

TUYỂN SINH TẠI CÁC TRƯỜNG KHÔNG SỬ DỤNG KẾT QUẢ KỲ THI THPT QUỐC GIA

Điều 17. Yêu cầu về đảm bảo chất lượng đầu vào đối với trường không sử dụng kết quả kỳ thi THPT quốc gia

1. Đối với trường tuyển sinh bằng phương thức thi tuyển theo bài thi/môn thi hoặc xét tuyển dựa trên tổ hợp các môn học ở THPT, việc lựa chọn tổ hợp bài thi/môn thi hoặc tổ hợp môn học dùng để xét tuyển được thực hiện theo quy định tại Điều 11 của Quy chế này.

2. Đối với trường sử dụng phương án thi tuyển, chính sách đảm bảo chất lượng đầu vào phải được ghi trong đề án tuyển sinh theo quy định tại Điều 3 của Quy chế này.

3. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào năm 2017 được thực hiện như sau:

a) Đối với trường sử dụng phương án xét tuyển dựa vào kết quả học tập THPT, điểm trung bình của từng môn học trong tổ hợp các môn dùng để xét tuyển hoặc điểm trung bình chung của các môn học dùng để xét tuyển không nhỏ hơn 6,0 đối với trình độ ĐH (theo thang điểm 10).

b) Trường ĐH đóng tại các tỉnh biên giới, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn có thể xét tuyển các thí sinh có hộ khẩu thường trú từ 3 năm trở lên, học 3 năm liên tục và tốt nghiệp THPT tại các tỉnh, địa phương này ở mức thấp hơn 0,5 điểm so với mức quy định tại điểm a khoản này. Những học sinh này phải học bổ sung kiến thức 1 học kỳ trước khi vào học chính thức. Chương trình bổ sung kiến thức do Hiệu trưởng các trường quy định.

4. Từ năm 2018 trở đi ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 12 của Quy chế này.

5. Đối với trường xét tuyển học sinh tốt nghiệp trung cấp vào các ngành học trình độ CĐSP, phải quy định rõ trong đề án tuyển sinh cách thức xét tuyển vào ngành học phù hợp.

6. Đối với các ngành năng khiếu thuộc khối ngành văn hóa - nghệ thuật, điểm xét tuyển của các môn văn hóa phải đáp ứng yêu cầu tối thiểu để hoàn thành chương trình phổ thông được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ GDĐT chấp thuận.

Điều 18. Tổ chức thi đối với các trường tuyển sinh bằng phương thức thi tuyển

1. Yêu cầu về đề thi

a) Đối với các môn văn hóa: thực hiện theo quy định tại Quy chế thi THPT quốc gia và xét công nhận tốt nghiệp THPT;

b) Đối với các môn thi năng khiếu và các môn thi đánh giá năng lực chuyên biệt: thực hiện theo quy định tại Quy chế tuyển sinh của trường do Hiệu trưởng ban hành sau khi có ý kiến của Hội đồng Khoa học và Đào tạo trường, báo cáo Bộ GDĐT và công bố công khai trên trang thông tin điện tử của trường;

2. Tổ chức coi thi, chấm thi, chấm phúc khảo

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh của trường. Nội dung Quy chế tuyển sinh của trường không được trái với các quy định trong Quy chế thi THPT quốc gia và xét công nhận tốt nghiệp THPT.

Điều 19. Tổ chức xét tuyển của các trường không sử dụng kết quả kỳ thi THPT quốc gia

1. Việc xét tuyển được thực hiện theo đề án tuyển sinh của trường. Các trường có thể lựa chọn các phương thức tuyển sinh:

a) Sơ tuyển dựa vào kết quả học tập ở cấp THPT kết hợp với thi đánh giá năng lực chuyên biệt của thí sinh hoặc sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực chuyên biệt của trường khác để xét tuyển;

b) Xét tuyển dựa vào kết quả học tập ở cấp THPT;

c) Sử dụng đồng thời các phương thức tuyển sinh trên và phải công bố công khai chỉ tiêu đối với từng phương thức.

2. Chế độ ưu tiên được thực hiện theo quy định tại Điều 7 của Quy chế này. Trường hợp sử dụng kết quả học tập ở THPT để xét tuyển, điểm ưu tiên được cộng để xét tuyển sau khi thí sinh đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 17 của Quy chế này.

3. Thời gian đăng ký thi tuyển, xét tuyển do Hiệu trưởng các trường quy định phù hợp với phương thức tổ chức đào tạo tại trường và khung kế hoạch thời gian năm học của giáo dục phổ thông.

4. Việc kiểm tra hồ sơ của thí sinh trúng tuyển được thực hiện theo quy định tại Điều 14 , Điều 15 của Quy chế này.

Chương V

XỬ LÝ THÔNG TIN PHẢN ÁNH VI PHẠM QUY CHẾ TUYỂN SINH VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, LƯU TRỮ

Điều 20. Xử lý thông tin phản ánh vi phạm Quy chế tuyển sinh

1. Nơi tiếp nhận thông tin, bằng chứng về vi phạm Quy chế tuyển sinh:

- a) Hội đồng tuyển sinh các trường ĐH, CĐSP;
- b) Thanh tra tuyển sinh và Thanh tra giáo dục các cấp.

2. Các bằng chứng vi phạm Quy chế tuyển sinh sau khi đã được xác minh về tính xác thực là cơ sở để xử lý đối tượng vi phạm.

3. Cung cấp thông tin và bằng chứng về vi phạm Quy chế tuyển sinh:

a) Mọi người dân, kể cả thí sinh và những người tham gia công tác tuyển sinh, nếu phát hiện những hành vi vi phạm Quy chế tuyển sinh cần cung cấp thông tin cho nơi tiếp nhận quy định tại khoản 1 Điều này để kịp thời xử lý theo quy định của pháp luật về tố cáo;

b) Người cung cấp thông tin và bằng chứng về vi phạm Quy chế tuyển sinh phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực của thông tin và bằng chứng đã cung cấp, không được lợi dụng việc làm đó để gây ảnh hưởng tiêu cực đến công tác tuyển sinh.

4. Đối với tổ chức, cá nhân tiếp nhận thông tin và bằng chứng về vi phạm Quy chế tuyển sinh:

a) Tổ chức việc tiếp nhận thông tin, bằng chứng theo quy định; bảo vệ nguyên trạng bằng chứng; xác minh tính xác thực của thông tin và bằng chứng;

b) Triển khai kịp thời các biện pháp ngăn chặn tiêu cực, vi phạm Quy chế tuyển sinh theo thông tin đã được cung cấp;

c) Xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền để xử lý và công bố công khai kết quả xử lý các cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm Quy chế tuyển sinh;

d) Bảo mật thông tin và danh tính người cung cấp thông tin.

Điều 21. Chế độ báo cáo

Các trường phải báo cáo Bộ GDĐT:

1. Kết quả tuyển sinh của năm trước ngày 31 tháng 12 của năm.
2. Thông tin về tuyển sinh của trường theo quy định hoặc theo yêu cầu của Bộ GDĐT.

Điều 22. Chế độ lưu trữ

1. Bài thi của các trường tổ chức tuyển sinh theo phương thức thi tuyển hoặc thi tuyển kết hợp với xét tuyển được trường lưu trữ theo thời hạn quy định tại Quy chế thi THPT quốc gia và xét công nhận tốt nghiệp THPT.

2. Các tài liệu khác liên quan đến tuyển sinh, trường phải bảo quản và lưu trữ trong suốt khóa đào tạo theo quy định của Luật Lưu trữ, Thông tư số 27/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ GDĐT quy định thời hạn bảo quản tài liệu chuyên môn nghiệp vụ của ngành giáo dục.

Chương VI**KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM,
GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI TỐ CÁO****Điều 23. Khen thưởng**

Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh các trường khen thưởng hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng:

1. Những người hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.
2. Những người có nhiều thành tích đóng góp cho công tác tuyển sinh.

Điều 24. Giải quyết đơn khiếu nại, đơn tố cáo liên quan đến công tác tuyển sinh

1. Trong thời gian tuyển sinh, Hội đồng tuyển sinh các trường tổ chức tiếp nhận và giải quyết đơn khiếu nại, đơn tố cáo của công dân liên quan đến công tác tuyển sinh.

2. Kết thúc tuyển sinh, Hiệu trưởng tổ chức tiếp nhận và giải quyết đơn khiếu nại, đơn tố cáo của công dân liên quan đến công tác tuyển sinh.

3. Người khiếu nại thực hiện quyền khiếu nại khi có căn cứ cho rằng quyết định hành chính hoặc hành vi hành chính đó là trái pháp luật, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

4. Trình tự, thủ tục, thời hạn giải quyết đơn khiếu nại, đơn tố cáo của công dân liên quan đến công tác tuyển sinh được thực hiện theo quy định pháp luật về giải quyết khiếu nại, giải quyết tố cáo và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 25. Xử lý các trường, cán bộ tuyển sinh và thí sinh vi phạm quy chế

1. Xử lý cán bộ và thí sinh có hành vi vi phạm trong quá trình thi tuyển được thực hiện theo quy định tại Quy chế thi THPT quốc gia và xét công nhận tốt nghiệp THPT.

2. Các trường tuyển sinh vượt chỉ tiêu so với năng lực thực tế thì số thí sinh tuyển vượt chỉ tiêu sẽ bị khấu trừ vào chỉ tiêu tuyển sinh năm sau của trường và nhà trường sẽ bị xử phạt theo quy định tại Nghị định của Chính phủ về xử phạt hành chính trong lĩnh vực giáo dục.

3. Cảnh cáo hoặc có hình thức kỷ luật cao hơn đối với Hiệu trưởng hoặc Chủ tịch HĐTS và những người khác liên quan vi phạm một trong các lỗi sau đây:

a) Ban hành các quyết định liên quan đến công tác tuyển sinh trái với các quy định của Quy chế này;

b) Tuyển sinh những ngành chưa có quyết định mở ngành; tuyển sinh không đúng với nguyện vọng đã đăng ký của thí sinh;

c) Xác định sai chỉ tiêu tuyển sinh so với quy định và tuyển sinh vượt chỉ tiêu;

d) Tổ chức tuyển sinh không đúng với các quy định trong đề án tuyển sinh đã công bố.

đ) Cố ý vi phạm các quy định khác của Quy chế này.

4. Người tham gia công tác tuyển sinh là công chức, viên chức có hành vi vi phạm quy chế, nếu có đủ chứng cứ, tùy theo mức độ, sẽ bị cơ quan quản lý cán bộ xử lý theo quy định của Luật viên chức, Luật cán bộ, công chức và các văn bản quy định về xử lý kỷ luật viên chức, công chức. Đối với những người vi phạm Quy chế tuyển sinh là cán bộ, giảng viên, giáo viên, nhân viên cơ hữu của các trường ngoài công lập không phải là công chức, viên chức, Hiệu trưởng nhà trường quyết định xử lý theo quy định của Bộ luật lao động và các văn bản pháp luật hiện hành./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

(Đã ký)

Bùi Văn Ga

Phụ lục

(Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2017/TT-BGDĐT
ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

(Cơ quan chủ quản).....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Trường:.....

ĐỀ ÁN TUYỂN SINH NĂM ...¹

1. Thông tin chung về trường (tính đến thời điểm xây dựng Đề án)

1.1. Tên trường, sứ mệnh, địa chỉ các trụ sở (trụ sở chính và phân hiệu) và địa chỉ trang thông tin điện tử của trường

1.2. Quy mô đào tạo

Nhóm ngành	Quy mô hiện tại			
	ĐH		CĐSP	
	GD chính quy (ghi rõ số NCS, số học viên cao học, số SV đại học, cao đẳng)	GDTX (ghi rõ số SV ĐH, CĐ)	GD chính quy	GDTX
Nhóm ngành I	VD: 100 NCS; 300 CH; 4000 ĐH; 50 CĐ			
Nhóm ngành II				
Nhóm ngành III				
Nhóm ngành IV				
Nhóm ngành V				
Nhóm ngành VI				
Nhóm ngành VII				
Tổng (ghi rõ cả số NCS, học viên cao học, SV ĐH, CĐ)				

1.3. Thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất

1.3.1. Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển)

1.3.2. Điểm trúng tuyển của 2 năm gần nhất (nếu lấy từ kết quả của Kỳ thi THPT quốc gia)

Nhóm ngành/ Ngành/ tổ hợp xét tuyển	Năm tuyển sinh -2			Năm tuyển sinh -1		
	Chỉ tiêu	Số trúng tuyển	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số trúng tuyển	Điểm trúng tuyển

¹ Năm 2017 các cơ sở giáo dục chỉ kê khai từ mục 1 đến hết mục 3; từ năm 2018 kê khai toàn bộ các thông tin trong Phụ lục này

Nhóm ngành I - Ngành 1 <i>Tổ hợp 1:</i> <i>Tổ hợp 2:</i> <i>Tổ hợp 3:</i> - Ngành 2 - Ngành 3 - Ngành 4						
Nhóm ngành II						
Nhóm ngành III						
Nhóm ngành IV						
Nhóm ngành V						
Nhóm ngành VI						
Nhóm ngành VII						
GV các môn chung						
Tổng						

2. Các thông tin của năm tuyển sinh

2.1. *Đối tượng tuyển sinh*

2.2. *Phạm vi tuyển sinh*

2.3. *Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển)*

2.4. *Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo ngành/nhóm ngành, theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo*

2.5. *Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận ĐKXT*

2.6. *Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của trường: mã số trường, mã số ngành, tổ hợp xét tuyển và quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp; các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển...*

2.7. *Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; hình thức nhận ĐKXT/thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển, tổ hợp môn thi/bài thi đối từng ngành đào tạo...*

2.8. *Chính sách ưu tiên: Xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển;...*

2.9. *Lệ phí xét tuyển/thi tuyển*

2.10. *Học phí dự kiến với sinh viên chính quy; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có)*

2.11. *Các nội dung khác (không trái quy định)...*

3. Thông tin về các điều kiện đảm bảo chất lượng chính

3.1. *Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu:*

3.1.1. Thống kê diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá:

- Tổng diện tích đất của trường;
- Tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học của trường;
- Số chỗ ở ký túc xá sinh viên (nếu có).

3.1.2. Thống kê các phòng thực hành, phòng thí nghiệm và các trang thiết bị

TT	Tên	Các trang thiết bị chính
	Phòng thực hành ...	
	Phòng thí nghiệm...	
	

3.1.3. Thống kê phòng học

TT	Loại phòng	Số lượng
	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	
	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	
	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	
	Số phòng học dưới 50 chỗ	
	Số phòng học đa phương tiện	

3.1.4. Thống kê về học liệu (sách, tạp chí, kể cả e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) trong thư viện

TT	Nhóm ngành đào tạo	Số lượng
	Nhóm ngành I	
	Nhóm ngành II	
	Nhóm ngành III	
	Nhóm ngành IV	
	Nhóm ngành V	
	Nhóm ngành VI	
	Nhóm ngành VII	

3.2. Danh sách giảng viên cơ hữu

	Chức danh		Bằng tốt nghiệp cao nhất			
	PGS	GS	ĐH	ThS	TS	TSKH
Nhóm ngành I						
Nguyễn Văn A						
.....						
Tổng của nhóm ngành						
Nhóm ngành II						
.....						
Tổng của nhóm ngành						
Nhóm ngành III						
.....						
Tổng của nhóm ngành						
Nhóm ngành IV						
.....						

Tổng của nhóm ngành						
Nhóm ngành V						
.....						
Tổng của nhóm ngành						
Nhóm ngành VI						
.....						
Tổng của nhóm ngành						
Nhóm ngành VII						
.....						
Tổng của nhóm ngành						
GV các môn chung						
.....						
Tổng giảng viên toàn trường						

4. Tình hình việc làm (thống kê cho 2 khóa tốt nghiệp gần nhất)

Nhóm ngành	Chỉ tiêu Tuyển sinh		Số SV trúng tuyển nhập học		Số SV tốt nghiệp		Trong đó số SV tốt nghiệp đã có việc làm sau 12 tháng	
	ĐH	CĐSP	ĐH	CĐSP	ĐH	CĐSP	ĐH	CĐSP
Nhóm ngành I								
Nhóm ngành II								
Nhóm ngành III								
Nhóm ngành IV								
Nhóm ngành V								
Nhóm ngành VI								
Nhóm ngành VII								
Tổng								

5. Tài chính

- Tổng nguồn thu hợp pháp/năm của trường;
- Tổng chi phí đào tạo trung bình 1 sinh viên/năm của năm liền trước năm tuyển sinh.

Ngày ...tháng... năm 20...

HIỆU TRƯỞNG

(Ký tên và đóng dấu)